

Số: /KTHM-07/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2024

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
THỜI HẠN MÙA TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**

(Từ tháng 8/2024 đến tháng 01/2025)

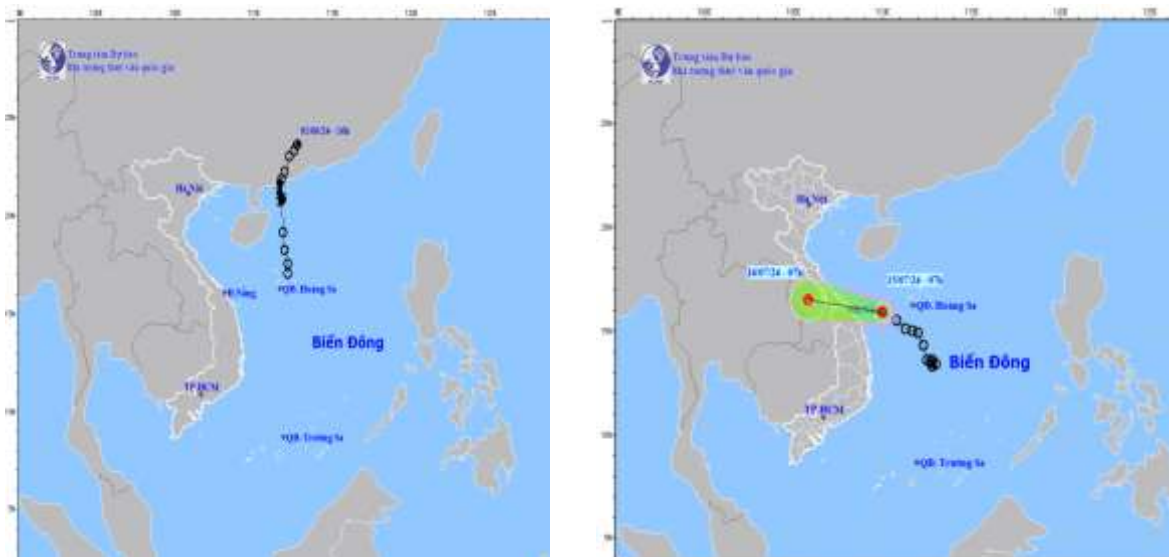
1. Phân tích, đánh giá tình hình khí tượng thủy văn nổi bật trong 02 tháng qua

1.1. Tình hình khí tượng

a) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm:

+ **Bão/áp thấp nhiệt đới (ATNĐ):** Chiều ngày 30/5, vùng áp thấp trên vùng biển quần đảo Hoàng Sa đã mạnh lên thành ATNĐ. Đến chiều ngày 31/5, ATNĐ đã mạnh lên thành bão và đây là cơn bão đầu tiên trên khu vực Biển Đông trong năm 2024 (Bão số 1, tên quốc tế là MALIKSI). Đến sáng ngày 01/6, sau khi đi vào đất liền khu vực phía Nam tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) bão số 1 đã suy yếu thành ATNĐ, chiều 01/6/2024 đã suy yếu thành một vùng áp thấp và tan dần (Hình 1).

Chiều tối ngày 13/7, vùng áp thấp trên vùng biển phía Tây của khu vực giữa Biển Đông đã mạnh lên thành ATNĐ. Sức gió mạnh nhất vùng gần tâm ATNĐ mạnh cấp 6 (39-49km/h), giật cấp 8, di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ khoảng 10km/h (đang tiếp tục theo dõi).



(a)

(b)

Hình 1: (a) Quỹ đạo cơn bão số 1/2024 (MALIKSI); (b) ATNĐ tháng 7/2024

+ *Dông, lốc, sét, mưa đá*: Từ tháng 5 đến nửa đầu tháng 7/2024, trên phạm vi toàn quốc xảy ra nhiều trận dông, lốc, sét và mưa đá tập trung tại khu vực Bắc Bộ. Tuy nhiên, ở các huyện vùng núi thuộc Bắc và Trung Trung Bộ, trên khu vực Tây Nguyên cũng đã xảy ra một số trận dông, lốc gây thiệt hại đáng kể (*Bảng 1, 2, 3-Phụ lục*).

+ *Nắng nóng*: Trong tháng 5/2024, khu vực Tây Bắc Bắc Bộ chỉ xảy ra nắng nóng cục bộ; khu vực phía Đông Bắc Bộ xảy ra 01 đợt nắng nóng vào các ngày 26-30/5; khu vực Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế có 02 đợt nắng nóng và nắng nóng gay gắt vào các ngày: 18-19/5 và 26-30/5; khu vực Đà Nẵng đến Ninh Thuận xảy ra nhiều ngày nắng nóng, có nơi có nắng nóng gay gắt và đặc biệt gay gắt; khu vực Nam Bộ nắng nóng tập trung trong nửa đầu tháng 5/2024.

Từ tháng 6/2024 đến nay, tại khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ đã xảy ra 04 đợt nắng nóng và nắng nóng gay gắt vào các ngày: 02-04/6, 11-22/6, 29/6-02/7 và ngày 09-10/7 (tại khu vực Trung Bộ); trong đó, khu vực từ Đà Nẵng đến Bình Thuận liên tục có nắng nóng diện rộng kéo dài từ ngày 02-19/6. Khu vực Hòa Bình, Đồng bằng Bắc Bộ và Thanh Hóa đến Phú Yên có nắng nóng gay gắt, có nơi đặc biệt gay gắt với nhiệt độ cao nhất ngày phổ biến từ 37,0-40,0⁰C và ghi nhận nhiều nơi vượt giá trị lịch sử (GTLS) (*Bảng 4, 5, 6-Phụ lục*). Khu vực Tây Nguyên có nắng nóng cục bộ; khu vực Nam Bộ nắng nóng diện rộng vào các ngày 03-04/6 và 12-14/6.

+ *Mưa diện rộng*:

Tháng 5/2024, khu vực Bắc Bộ xuất hiện nhiều ngày có mưa rào và dông, trong đó các ngày: 01-03/5, 06/5, 09/5, 19-20/5, 30-31/5 có mưa vừa, mưa to trên diện rộng, có nơi mưa rất to. Ở khu vực Trung Bộ nhiều ngày có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa vừa, mưa to như ngày: 02-04/5, 06-07/5, 15-17/5, 19-26/5 và 31/5; riêng ngày 20-21/5 khu vực Nam Trung Bộ có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to đến rất to; ngày 31/5 tại khu vực Bắc và Trung Trung Bộ đã có mưa vừa, mưa to trên diện rộng. Tại Tây Nguyên và Nam Bộ, gió mùa Tây Nam bắt đầu hoạt động, do vậy khu vực đã xảy ra nhiều ngày có mưa dông rải rác, có nơi mưa vừa, mưa to, tập trung nhiều vào các thời kỳ từ ngày: 04-05/5, 08-10/5, 14-17/5, 19-24/5 và 27-31/5.

Tháng 6/2024 và nửa đầu tháng 7/2024, Bắc Bộ xảy ra các đợt mưa vừa, mưa to diện rộng vào các ngày: 04-10/6, 23-27/6 và 02-03/7. Tại một số tỉnh phía Bắc miền Trung như Thanh Hóa và Nghệ An, mưa xảy ra tương tự như khu vực Bắc Bộ với các đợt mưa vừa, mưa to xảy ra từ 05-10/6 và 23-27/6; các khu vực còn lại tại miền Trung phổ biến ít mưa hơn, xen kẽ có một số ngày có mưa rào và dông, cục bộ có mưa vừa, mưa to. Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ, có

hiều ngày có mưa rào và dông với diện rải rác do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam.

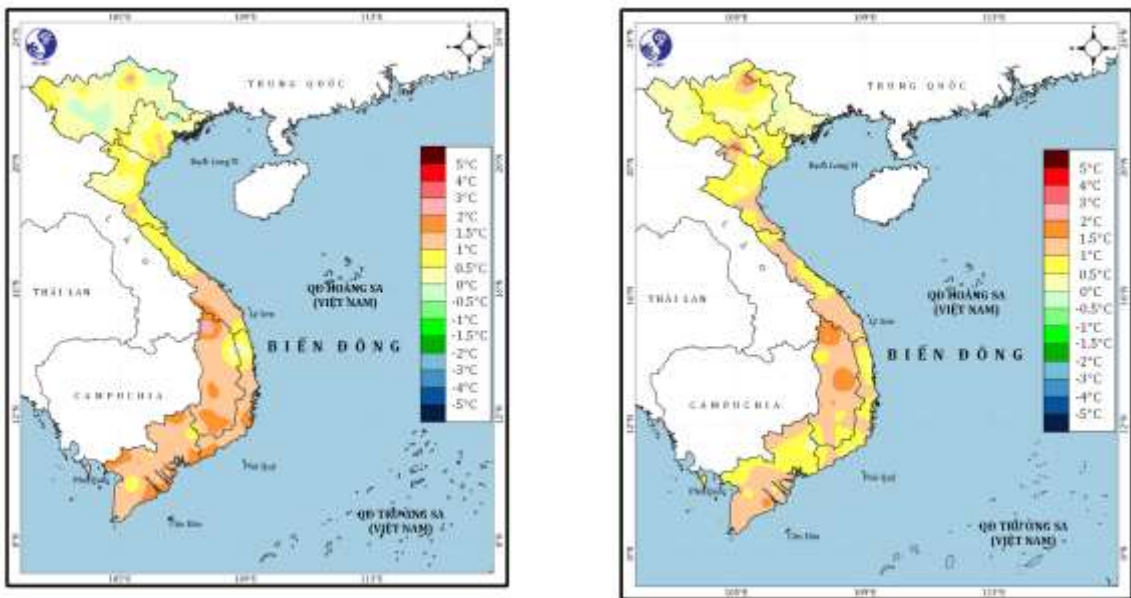
Đáng chú ý, trong các trận mưa dông kèm lốc, sét, mưa đá xảy ra đã gây ra nhiều thiệt hại về kinh tế-xã hội và môi trường cho các khu vực kể trên. Ngoài ra, trong thời kỳ từ tháng 5 đến nửa đầu tháng 7 một số nơi đã xuất hiện lượng mưa ngày vượt GTLS cùng thời kỳ (Bảng 7, 8, 9-Phụ lục).

b) Diễn biến nhiệt độ, lượng mưa:

+ Nhiệt độ trung bình (NĐTĐB):

Tháng 5/2024, NĐTĐB tại khu vực Bắc Bộ phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ; riêng khu vực Nam Đồng bằng Bắc Bộ cao hơn từ 1,0-1,5⁰C. Tại các tỉnh Trung Bộ, NĐTĐB trong tháng cao hơn từ 0,5-1,5⁰C. Khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ phổ biến cao hơn từ 1,0-2,0⁰C, có nơi cao trên 2,0⁰C so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2a).

Tháng 6/2024, nhiệt độ trung bình tại khu vực Bắc Bộ và Thanh Hoá phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0⁰C so với trung bình nhiều năm (TBNN); các khu vực còn lại phổ biến cao hơn từ 1,0-1,5⁰C so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2b).



(a)

(b)

Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 5/2024;

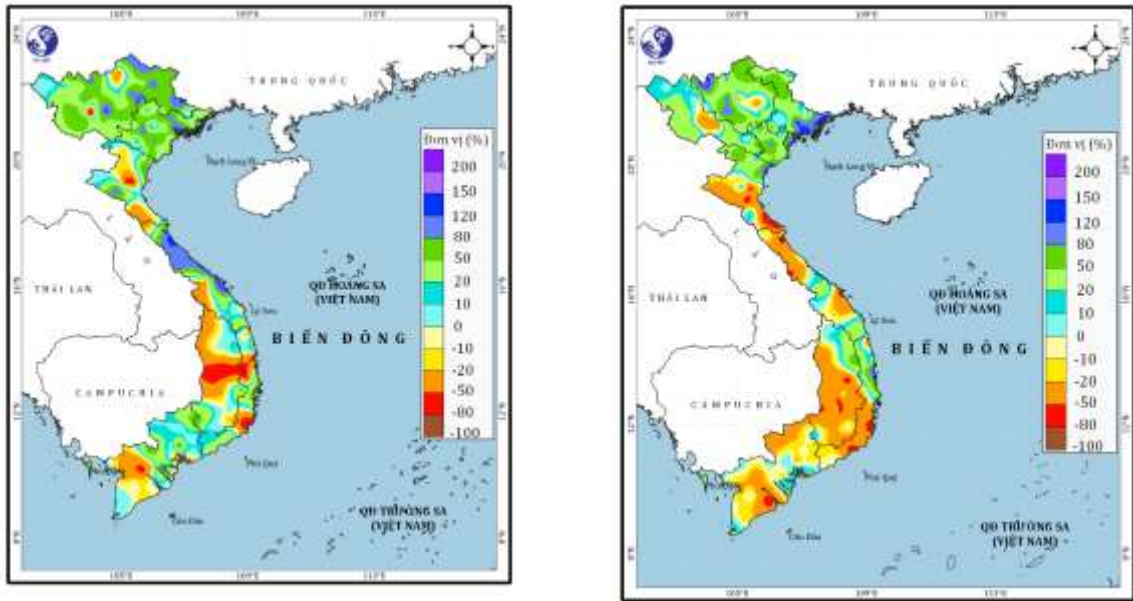
(b) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 6/2024.

NĐTĐB nửa đầu tháng 7/2024 trên phạm vi cả nước phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0⁰C, có nơi cao hơn 1,0-1,5⁰C so với TBNN cùng thời kỳ, riêng khu vực Trung Bộ phổ biến xấp xỉ so với TBNN.

+ Tổng lượng mưa (TLM):

Tháng 5/2024, TLM trên cả nước trong tháng phân bố không đồng đều.

Tại các khu vực Bắc Bộ, Trung Trung Bộ, một số nơi tại Nam Trung Bộ và miền Đông Nam Bộ có TLM xấp xỉ đến cao hơn từ 30-60%, có nơi cao hơn từ 80-100% so với TBNN. Trong khi đó tại các khu vực Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và miền Tây Nam Bộ, TLM thiếu hụt từ 15-30%, có nơi thấp hơn 50% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 3a).



(a)

(b)

Hình 3: (a) Tỷ chuẩn lượng mưa tháng 5/2024;

(b) Tỷ chuẩn lượng mưa tháng 6/2024.

TLM tại khu vực Bắc Bộ và các tỉnh Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi đến Phú Yên phổ biến cao hơn từ 40-80% so với TBNN, đặc biệt ven biển Bắc Bộ có nhiều nơi cao hơn 100% so với TBNN cùng thời kỳ. Các khu vực còn lại trên cả nước có lượng mưa thiếu hụt từ 20-40% có nơi thiếu hụt trên 60%, riêng miền Đông Nam Bộ có lượng mưa xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 3b).

Thời kỳ nửa đầu tháng 7/2024: TLM tại phía Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Bộ phổ biến thấp hơn từ 40-80% so với TBNN cùng thời kỳ; các khu vực còn lại phổ biến cao hơn từ 20-50% so với TBNN, có nơi cao hơn.

1.2. Tình hình thủy văn, nguồn nước

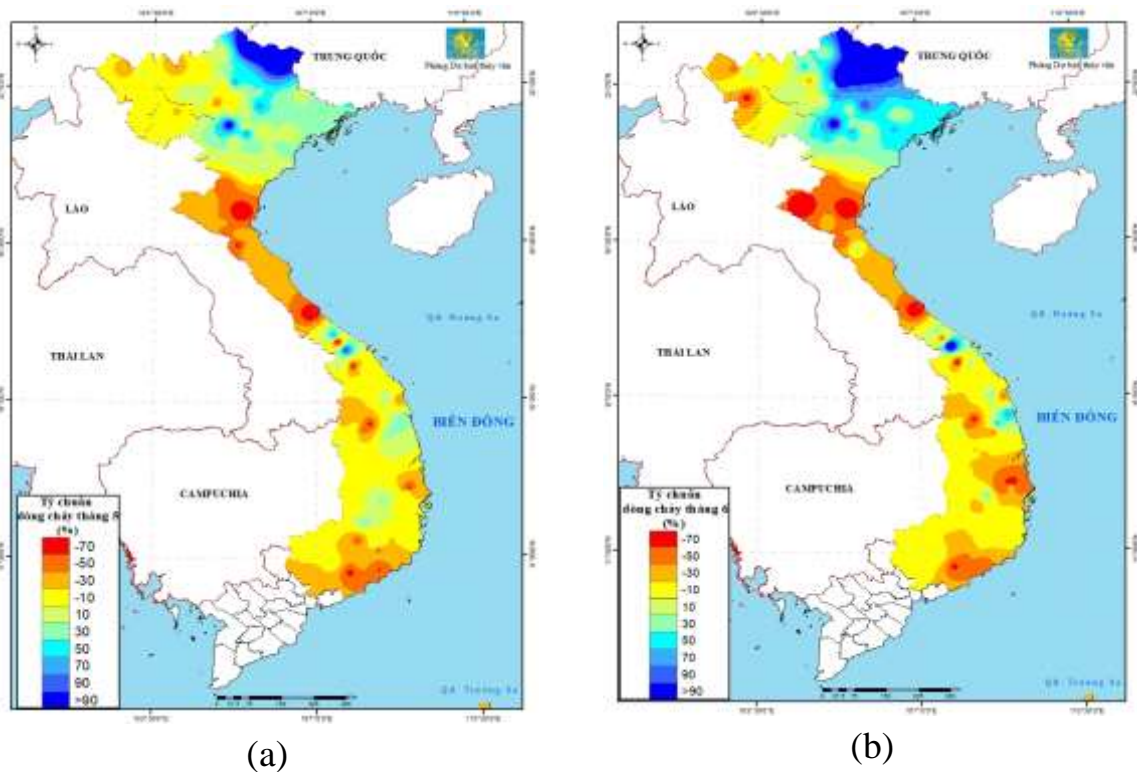
+ Khu vực Bắc Bộ:

Từ tháng 5 đến nửa đầu tháng 7/2024, trên thượng lưu hệ thống sông Hồng-Thái Bình và sông Bằng Giang đã xuất hiện 3-4 đợt lũ. Đỉnh lũ trên sông Lô tại Hà Giang, trên sông Gâm tại Bảo Lạc đã vượt mức báo động (BD)3; trên sông Thương tại Cầu Sơn, sông Lô tại Bắc Quang đã vượt mức BD2; trên sông Bằng tại Bằng Giang, sông Lô tại Hàm Yên, sông Mã tại Xã Là, sông Trung tại Hữu Lũng đã vượt BD1. Ngoài ra, do ảnh hưởng của triều cường, mực nước

hiều trạm cửa sông hạ lưu hệ thống sông Hồng-Thai Bình đã lên cao ở mức BĐ1-BĐ2 như: Phú Lễ (Nam Định), Ba Lạt, Đông Quý (Thái Bình), Đông Xuyên, Quang Phục, Kiến An, Do Nghi, Cửa Cấm (Hải Phòng).

Từ tháng 5 đến nửa đầu tháng 7/2024, nguồn nước trên các sông ở khu vực Bắc Bộ ở mức thấp hơn mức TBNN từ 20-30%, riêng trên sông Lô, sông Gâm và sông Chảy nguồn nước cao hơn TBNN từ 30-50%.

So với cùng kỳ, dòng chảy đến hồ chứa lớn khu vực Bắc Bộ cao hơn năm 2023 từ 60-150%; riêng dòng chảy đến hồ Tuyên Quang trong tháng 6 và tháng 7 cao gấp 03 lần cùng kỳ năm 2023. Tính đến thời điểm hiện tại, tổng dung tích các hồ chứa thủy điện lớn trên sông Hồng cao hơn năm 2023 khoảng 5,444 triệu m³.



Hình 4: (a) Bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 5/2024
và (b) bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 6/2024

+ Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:

Nửa đầu tháng 5/2024, mực nước trên các sông ở Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên biến đổi chậm và ở mức thấp. Trên một số sông đã xuất hiện mực nước thấp nhất trong chuỗi số liệu quan trắc như: Sông Thu Bồn (Quảng Nam) tại Hiệp Đức 11,70m (20h/02/5); tại Giao Thủy -0,59m (01h/02/5); sông Đăkbla (Kon Tum) tại KonPlong 590,25m (19h/10/5).

Từ nửa cuối tháng 5 đến tháng 6/2024, trên các sông ở Thanh Hóa và sông Cam Ly (Lâm Đồng) xuất hiện lũ nhỏ; các sông ở từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi, Bình Thuận và sông Krông Ana (Đăk Lăk) xuất hiện 02-04 đợt dao động, các sông khác ở Trung Bộ và Tây Nguyên biến đổi chậm.

Nửa đầu tháng 7/2024, trên sông Cam Ly xuất hiện 01 đợt lũ, thượng nguồn các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An có dao động; các sông khác ở Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên biến đổi chậm.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên phổ biến ở mức thấp hơn TBNN so cùng kỳ từ 35-50%; riêng sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) tại Thượng Nhật, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi), sông An Lão (Bình Định), sông EaKrông (Đắk Lắk), sông Đắk Nông (Đắk Nông) ở mức cao hơn so với TBNN.

Hiện tại, tình trạng khô hạn, thiếu nước cục bộ ngoài vùng cấp nước của các công trình thủy lợi ở các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Thuận đã giảm dần.

+ *Khu vực Nam Bộ:*

Sông Đồng Nai: Từ tháng 5 đến nay giữa tháng 7/2024, mực nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài có 01 đợt dao động.

Sông Cửu Long: Mực nước các trạm trên dòng chính sông Mê Công biến đổi chậm và ở mức thấp hơn TBNN (2012-2023) từ 0,05-1,00m.

Hiện tại, mực nước Biên Hồ tại trạm Kompong Luong thấp hơn TBNN 0,73m và tương đương cùng kỳ năm 2023.

Tổng lượng dòng chảy từ thượng lưu sông Mê Công (trạm Kratie-Campuchia) về Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) từ đầu tháng 5 đến nay ở mức thấp hơn 16% so với TBNN.

Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Mực nước cao nhất ngày 11/7 trên sông Tiền tại Tân Châu và trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức tương đương TBNN.

1.3. Tình hình hải văn:

- Sóng biển: Từ tháng 5 đến nửa đầu tháng 7/2024, số liệu quan trắc ghi nhận tại khu vực Vịnh Bắc Bộ và vùng biển từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, sóng cao 1,0-2,0m, có lúc trên 2,0m, biển động nhẹ, vùng biển từ Ninh Thuận đến Bình Thuận, khu vực Bắc và Giữa Biển Đông sóng cao 2,0-3,0m, biển động.

- Triều cường: Từ tháng 5 đến nửa đầu tháng 7/2024, khu vực ven biển Đông Nam Bộ xuất hiện 04 đợt triều cường, Tuy nhiên, các đợt triều cường này đều ở mức thấp, mực nước cao nhất trạm Vũng Tàu dao động dưới 3,8m.

2. Dự báo khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 8-10/2024

2.1. Khí tượng

- Hiện tượng ENSO: Hiện tại, hiện tượng ENSO đang ở pha trung tính và tiếp tục duy trì đến khoảng cuối tháng 8/2024. Từ tháng 9-10/2024, ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái La Nina với xác suất 60-70%.

- Bão/ATNĐ: Từ nay đến tháng 10/2024, trên Biển Đông có khả năng xuất hiện khoảng từ 06-08 cơn bão/ATNĐ; trong đó có khoảng 02-04 cơn đổ bộ

vào đất liền (số lượng bão/ATNĐ TBNN trên Biển Đông trong thời gian này là từ 06-07 cơn, TBNN đổ bộ vào Việt Nam khoảng 03 cơn). Đề phòng khả năng bão/ATNĐ hình thành ngay trên khu vực Biển Đông.

- Trên phạm vi cả nước tiếp tục có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Đông, lốc, sét và gió giật mạnh.

- Nắng nóng: Tại khu vực Bắc Bộ, nắng nóng có khả năng xảy ra đến tháng 8/2024. Khu vực Bắc và Trung Trung Bộ, nắng nóng xảy ra đến tháng 9/2024 với cường độ giảm dần so với tháng 7 và tháng 8/2024.

- Mùa mưa tại khu vực Trung Bộ có khả năng xuất hiện tương đương so với TBNN (vào khoảng cuối tháng 8 và nửa đầu tháng 9).

- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội:* Bão/ATNĐ và gió mùa Tây Nam có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên khu vực Biển Đông. Hiện tượng nắng nóng sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt cũng như các hoạt động sản xuất tại Bắc Bộ và Trung Bộ. Ngoài ra, mưa lớn, dông, lốc, sét có nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sinh hoạt cộng đồng ở các khu vực chịu tác động.

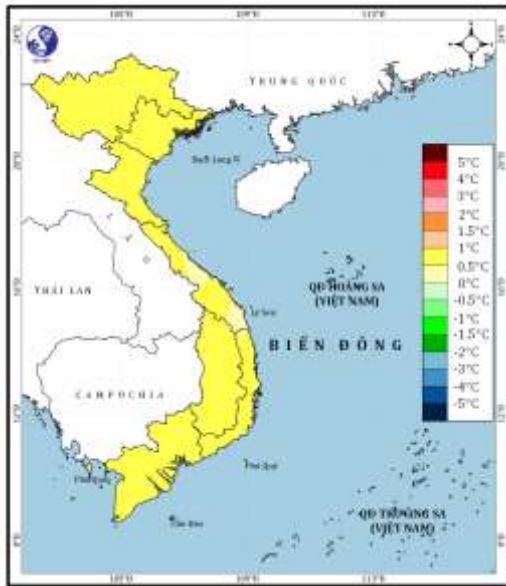
- *Nhiệt độ trung bình:* Từ tháng 8-10/2024, NĐTĐ phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0⁰C so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 5a, 6a, 7a*).

- *Tổng lượng mưa:*

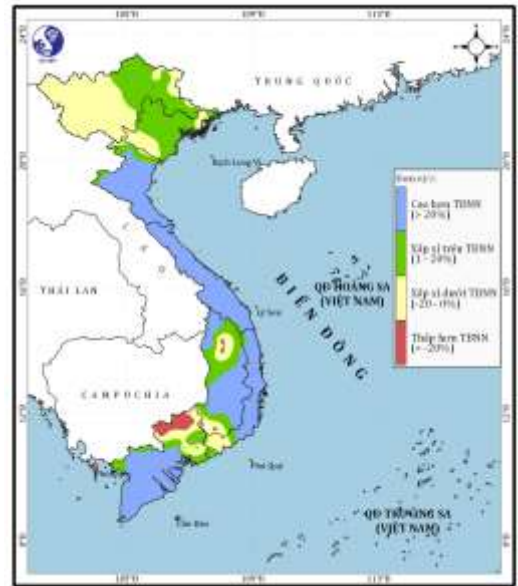
+ Khu vực Bắc Bộ: TLM tháng 8/2024, phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ, TLM tháng 9/2024 phổ biến cao hơn 5-15%, TLM tháng 10/2024 cao hơn 10-30%; riêng khu vực Tây Bắc thấp hơn 5-10% so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Khu vực Trung Bộ: TLM tháng 8/2024 tại khu vực Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ phổ biến ở mức cao hơn 10-30% so với TBNN; riêng khu vực Bắc Trung Bộ TLM phổ biến xấp xỉ so với TBNN. Tháng 9-10/2024, TLM phổ biến cao hơn 10-30% so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ: Tháng 8-10/2024, TLM tại khu vực phổ biến ở mức cao hơn từ 5-15% so với TBNN.

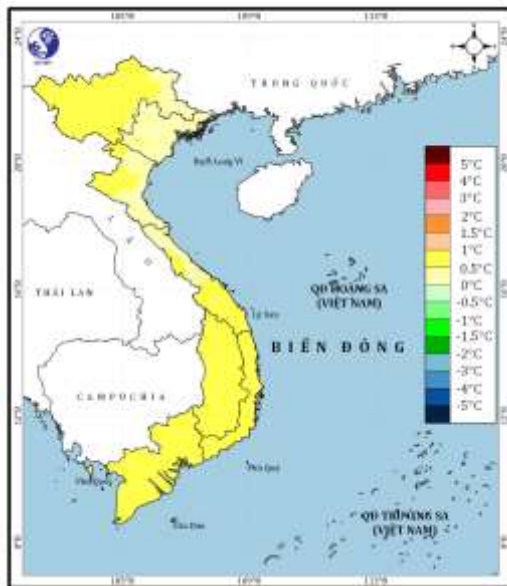


(a)

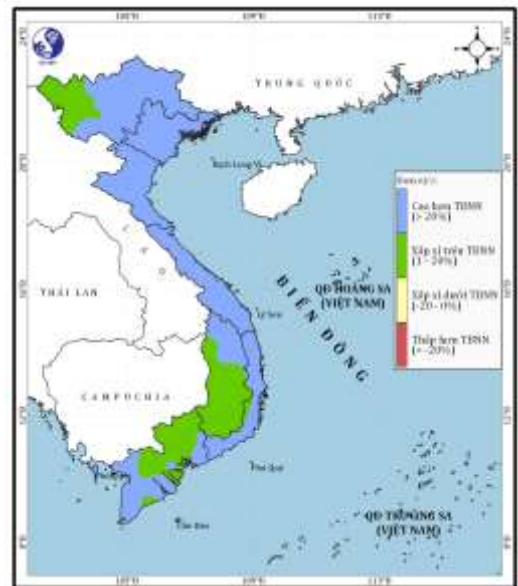


(b)

Hình 5: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 8/2024 và (b) dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 8/2024.

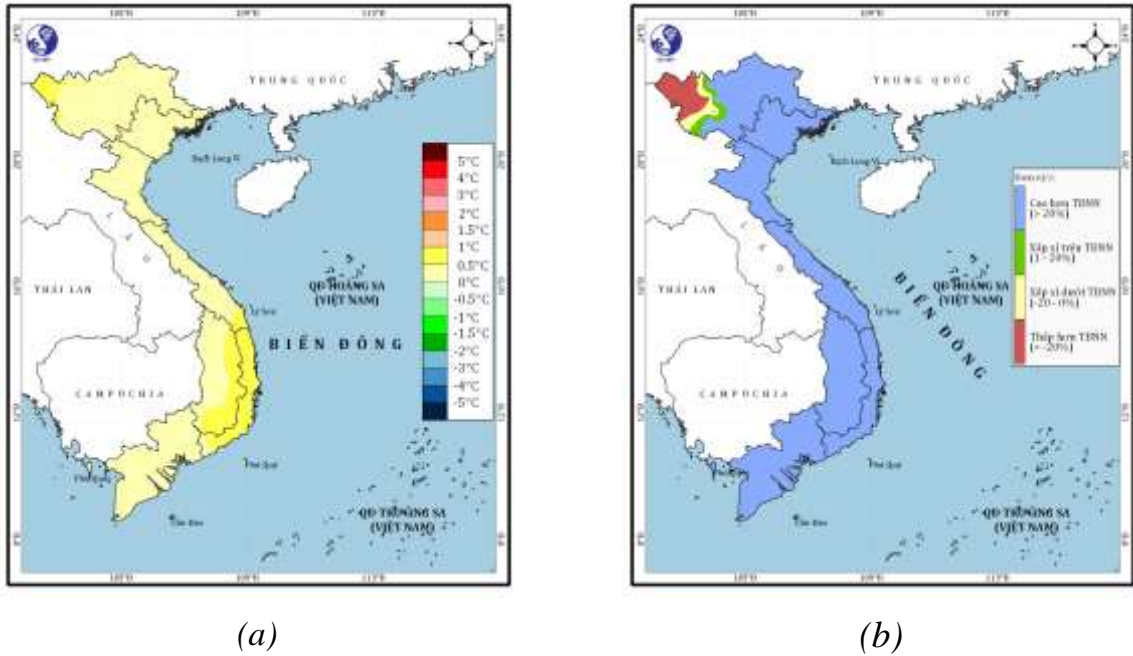


(a)



(b)

Hình 6: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 9/2024 và (b) dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 9/2024.



Hình 7: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 10/2024 và (b) dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 10/2024.

+ Lưu vực sông Mê Kông: Từ tháng 8-9/2024, tại khu vực hạ lưu, TLM phổ biến cao hơn từ 5-15% so với TBNN cùng thời kỳ; TLM tại khu vực thượng lưu và trung lưu phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng 10/2024, TLM ở khu vực thượng lưu ở mức xấp xỉ, khu vực trung lưu và hạ lưu cao hơn từ 15-30% so với TBNN.

Bảng 1: Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa phổ biến từ tháng 8-10/2024

Khu vực dự báo	Tháng 8/2024		Tháng 9/2024		Tháng 10/2024	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La (Miền núi phía Bắc)	25,0-26,0	200-300	24,5-25,5	80-160	24,0-25,0	40-80
Việt Trì (Miền núi phía Bắc)	28,5-29,5	260-360	28,0-29,0	110-200	27,5-28,5	70-130
Hải Phòng (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	28,0-29,0	300-400	27,5-28,5	210-310	27,5-28,5	80-160
Hà Đông (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	28,5-29,5	250-350	27,5-28,5	150-250	27,5-28,5	100-200
Vinh (Bắc Trung Bộ)	29,0-30,0	200-300	27,5-28,5	400-600	27,5-28,5	400-600
Huế	28,5-29,5	140-240	27,5-28,5	400-600	27,0-28,0	750-950

Khu vực dự báo	Tháng 8/2024		Tháng 9/2024		Tháng 10/2024	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
(Trung Trung Bộ)						
Nha Trang (Nam Trung Bộ)	29,0-30,0	50-100	28,5-29,5	140-240	28,0-29,0	300-400
Buôn Ma Thuột (Tây Nguyên)	25,0-26,0	250-350	24,5-25,5	280-380	24,0-25,0	200-300
Châu Đốc (Nam Bộ)	27,5-28,5	120-210	28,0-29,0	130-220	27,5-28,5	250-350

2.2. Thủy văn và nguồn nước

+ Khu vực Bắc Bộ:

Từ tháng nửa cuối tháng 7-10/2024, trên các sông Bắc Bộ sẽ xuất hiện các đợt lũ với mực nước đỉnh lũ trên các sông chính ở mức BĐ1-BĐ2, các sông nhỏ ở mức BĐ2-BĐ3. Đỉnh lũ năm phổ biến xuất hiện vào thời kỳ tháng 7-8/2024.

Từ tháng 8-10/2024, dòng chảy trên các sông khu vực Bắc Bộ và các hồ chứa lớn khu vực Bắc Bộ phổ biến thiếu hụt so với TBNN, cụ thể: Dòng chảy đến các hồ chứa lớn trên sông Đà thiếu hụt từ 20-30% so với TBNN; riêng hồ Tuyên Quang (sông Gâm) và Thác Bà (sông Chảy) có khả năng ở mức TBNN.

+ Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:

Từ nửa cuối tháng 7 đến tháng 8/2024, trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh, Bình Thuận và khu vực Tây Nguyên xuất hiện 2-4 đợt lũ và dao động, các sông khác ở Trung Bộ mực nước biến đổi chậm.

Trong tháng 9, tháng 10/2024, trên các sông ở khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên xuất hiện các đợt lũ; đỉnh lũ ở hạ lưu các sông chính ở mức BĐ1-BĐ2; các sông nhỏ, thượng lưu các sông ở mức BĐ2-BĐ3. Nguy cơ xảy ra ngập lụt tại các đô thị, thành phố lớn do ảnh hưởng của mưa lớn cục bộ. Lũ quét, sạt lở đất nguy cơ cao xuất hiện tại các khu vực vùng núi.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN từ 20-50% so với TBNN, riêng sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế), sông Trà Khúc (Quảng Ngãi), sông An Lão (Bình Định), sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa), sông Eakrông (Đắk Lắk) và Đắk Nông (Đắk Nông) ở mức tương đương và cao hơn TBNN cùng kỳ từ 15-50%.

+ Khu vực Nam Bộ:

Sông Đồng Nai: Từ nay đến cuối tháng 7/2024, mực nước có dao động. Từ tháng 8 đến tháng 10/2024, trên sông Đồng Nai có khả năng xuất hiện 02-03 đợt lũ.

Sông Cửu Long: Từ cuối tháng 7 đến tháng 10/2024, tổng lượng dòng chảy trên sông Mê Công về ĐBSCL biến đổi chậm với xu thế lên dần, tổng

lượng về ĐBSCL tháng 7/2024 ở mức thấp hơn TBNN từ 5-10%. Từ tháng 8 đến tháng 10/2024, tổng lượng về ĐBSCL ở mức thấp hơn TBNN từ 10-15%.

Đỉnh lũ năm 2024, ở đầu nguồn sông Cửu Long dao động ở mức BĐ1; đỉnh lũ tại các trạm hạ nguồn sông Cửu Long ở mức BĐ2-BĐ3 và trên BĐ3.

Bảng 2: Dự báo thủy văn từ tháng 8-10/2024

Sông	Trạm	Tháng 8/2024			Tháng 9/2024			Tháng 10/2024		
		H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)	H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)	H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)
Đà	Hồ Hòa Bình (Q)	900	6500	3200	500	3500	1800	350	3200	1100
Thao	Yên Bái	2550	3100	2650	2520	3000	2640	2500	2900	2620
	Phú Thọ	1200	1520	1330	1250	1570	1370	1230	1550	1340
Lô	Tuyên Quang	1500	2200	1750	1500	2150	1720	1450	2050	1620
	Vụ Quang	650	1180	900	600	1100	830	580	1000	800
Cầu	Đáp Cầu	50	430	245	50	350	180	40	300	170
Thương	Phủ Lạng Thương	40	450	250	45	380	190	35	350	180
Lục Nam	Lục Nam	30	430	235	30	320	160	25	300	150
Thái Bình	Phả Lại	25	330	170	30	250	150	25	230	130
Hồng	Hà Nội	200	620	320	150	500	280	50	300	150
Hoàng Long	Bến Đé	30	280	130	20	320	150	5	250	100
Mã	Giàng	-70	245	82	-70	320	100	-66	240	83
Cả	Nam Đàn	-50	210	60	-50	540	120	-25	510	195
La	Linh Cảm	-115	170	35	-85	350	70	-50	400	95
Gianh	Mai Hóa	-90	150	5	-80	530	45	-50	450	95
Hương	Kim Long	22	60	38	30	100	42	32	400	96
Thu Bồn	Câu Lâu	-60	85	10	-35	120	28	-15	350	92
Trà Khúc	Trà Khúc	-10	110	30	20	180	75	25	520	160
Kôn	Thanh Hòa	605	695	655	615	695	660	630	730	680
Đà Nẵng	Phú Lâm	-100	60	-19	-95	75	-10	-5	105	35
Đắkbla	Kon Tum	51540	51720	51610	51545	51880	51625	51550	52000	51650
Krông Ana	Giang Sơn	41580	41830	41621	41620	41880	41710	41720	41970	41782
Đồng Nai	Tà Lài	11120	11290	11190	11130	11240	11160	11130	11230	11170
Tiền	Tân Châu	80	230	160	130	290	220	230	320	280
Hậu	Châu Đốc	60	210	140	120	280	200	220	300	260

Bảng 3: Dự báo nguồn nước từ tháng 8-10/2024

Sông	Trạm	Tháng 8/2024		Tháng 9/2024		Tháng 10/2024	
		Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m ³)	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m ³)	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m ³)
Đà	Hồ Hòa Bình	250-350	8571	200-300	4666	130-230	4666
Thao	Yên Bái	300-400	2196	180-280	1814	180-280	1814
Lô	Tuyên Quang	200-300	3428	110-210	2981	140-240	2981
Hồng	Hà Nội	280-380	7633	120-220	4977	120-180	4977
Cầu	Gia Bảy	280-380	407	140-240	181	100-160	181
Lục Nam	Chũ	200-300	262	110-210	166	60-110	166
Mã	Cắm Thủy	300-400	2411	220-320	1730	130-180	1730
Cả	Yên Thượng	200-300	1312	400-500	1892	320-420	1892
La	Hòa Duyệt	230-330	139	450-650	324	480-680	324
Tả Trạch	Thượng Nhật	170-270	40.2	480-630	49.2	800-1000	49.2
Thu Bồn	Nông Sơn	170-270	254	400-500	531	800-1000	531
Trà Khúc	Sơn Giang	120-220	219	280-380	454	800-900	454
Ba	Củng Sơn	100-200	160	160-260	250	380-480	250
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	40-80	150	150-250	170	300-380	170
ĐắkBla	KonTum	230-330	64.3	280-380	67.4	180-260	67.4
Srêpôk	Giang Sơn	250-350	163	300-400	234	180-260	234
Tiền	Tân Châu	100-200	42950	130-230	46500	200-300	46500
Hậu	Châu Đốc	100-200	8679	130-230	10250	200-300	10250

2.3. Hải văn

- Sóng biển: Từ nửa cuối tháng 7 đến tháng 10/2024, do ảnh hưởng của hoạt động gió mùa Tây Nam nên ngoài khơi vùng biển Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khả năng xuất hiện sóng cao 2,0-4,0m; tại các vùng biển ven bờ khu vực Cà Mau-Kiên Giang độ cao sóng dao động trong khoảng 1,5-2,5m, có lúc trên 2,5m. Vùng ven biển các tỉnh Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ cần lưu ý đề phòng sóng lớn kết hợp với nước dâng do ảnh hưởng của bão và ATNĐ trong tháng 8-10/2024, nguy cơ cao gây sạt lở bờ sông, bờ biển. Tháng 10/2024, do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, độ cao sóng khu vực Vịnh Bắc Bộ và vùng biển ngoài khơi Trung Bộ có thể đạt 2-4m.

- Triều cường: Từ nửa cuối tháng 7 đến tháng 8/2024, tại khu vực ven biển Đông Nam Bộ xuất hiện 03 đợt triều cường. Mực nước lớn nhất tại trạm Vũng Tàu trong các đợt triều cường này dưới 4m nên không gây nguy cơ ngập úng ở vùng trũng thấp, khu vực ngoài đê bao ở mức thấp. Từ tháng 9 đến tháng

10/2024, tại ven biển Đông Nam Bộ xuất hiện 03 đợt triều cường. Mực nước lớn nhất tại trạm Vũng Tàu trong giai đoạn này có thể đạt 4,3m, các vùng trũng, thấp, ven sông và vùng ngoài đê bao khu vực ven biển phía Đông Nam Bộ có khả năng ngập úng. Đối với vùng ven biển Tây Nam Bộ, khoảng từ cuối tháng 7/2024 và tháng 8/2024 cần đề phòng mực nước biển dâng cao bất thường gây sạt lở đê biển trong thời gian xuất hiện triều cường kết hợp sóng lớn trong gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh.

- Dự tính thủy triều:

Bảng 4: Dự tính thủy triều từ tháng 8-10/2024

Vị trí	Tháng 8/2024						Tháng 9/2024						Tháng 10/2024					
	Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng		
	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày
Cố Tô	433	16h00	23	7	3h00	23	404	15h00	19	30	02h00	20	386	12h00	16	43	23h00	15
Bạch Long Vỹ	333	17h00	8	-26	5h00	8	323	15h00	4	-15	03h00	4	306	14h00	1	-2	01h00	1
Hòn Ngur	291	14h00	19	28	03h00	2	298	05h00	23	44	22h00	24	327	4h38	21	26	20h39	21
Hoàng Sa	137	07h00	3	-12	16h00	3	127	01h00	24	1	14h00	15	138	22h48	21	-4	7h52	22
Lý Sơn	191	07h00	4	53	17h00	4	180	23h00	24	61	07h00	23	190	23h03	21	48	6h41	21
Trường Sa	320	08h00	4	154	17h00	4	310	01h00	26	169	15h00	15	321	23h45	22	165	8h26	22
Phú Quý	289	04h00	17	132	18h00	20	288	02h00	26	143	10h00	25	287	1h46	24	127	9h57	23

Vị trí	Tháng 8/2024						Tháng 9/2024						Tháng 10/2024					
	Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng		
Côn Đảo	349	15h00	22	39	20h00	20	353	15h00	20	71	19h00	17	342	3h09	21	41	10h24	21
Thỏ Chu	320	08h00	19	157	16h00	18	310	01h00	24	169	14h00	14	125	4h25	21	82	19h22	21

3. Xu thế khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 11/2024 đến tháng 01/2025

3.1. Khí tượng

- *Hiện tượng ENSO*: Dự báo hiện tượng ENSO duy trì ở trạng thái La Nina với xác suất khoảng 70-80%.

- *Bão/ATNĐ*: Từ tháng 11/2024 đến tháng 01/2025, trên Biển Đông có khả năng xuất hiện khoảng từ 03-04 cơn bão/ATNĐ; trong đó có khoảng 01-02 cơn đổ bộ vào đất liền (số lượng bão/ATNĐ TBNN trên Biển Đông trong thời kỳ này là từ 03-04 cơn, TBNN đổ bộ vào Việt Nam khoảng 01 cơn). Đề phòng khả năng bão/ATNĐ hình thành ngay trên khu vực Biển Đông.

- *KKL và rét đậm, rét hại (RD, RH)*: KKL bắt đầu hoạt động từ tháng 9-10/2024 và gia tăng cường độ, tần suất trong tháng 12/2024, tháng 01/2025. RD, RH có khả năng xuất hiện vào cuối tháng 12/2024 và tháng 01/2025. Cần đề phòng khả năng xảy ra sương muối, băng giá ở vùng núi cao khu vực Bắc Bộ.

- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội*: Bão/ATNĐ và gió mùa Đông Bắc có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên khu vực Biển Đông. RD, RH gây ảnh hưởng đến sức khỏe và sản xuất của người dân (đặc biệt ở khu vực vùng núi Bắc Bộ). Ngoài ra, mưa lớn, lốc, sét có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng.

- *Nhiệt độ trung bình*: Từ tháng 11/2024 đến tháng 01/2025, NĐTĐ trên cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

- *Xu thế lượng mưa*:

+ Khu vực Bắc Bộ: Từ tháng 11/2024 đến tháng 01/2025, TLM phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ, riêng khu vực Tây Bắc TLM trong tháng 11/2024 phổ biến thấp hơn từ 10-20% so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Khu vực Trung Bộ: Tháng 11/2024, TLM khu vực Bắc Trung Bộ phổ biến cao hơn từ 5-15% so với TBNN cùng thời kỳ, khu vực Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ phổ biến cao hơn từ 10-20% so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng

12/2024 và tháng 01/2025, TLM phổ biến xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ; riêng khu vực Bắc Trung Bộ tháng 12/2024 phổ biến thấp hơn 10-20%.

+ Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ: TLM từ tháng 11/2024, phổ biến cao hơn từ 5-20% so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng 12/2024-01/2025, TLM phổ biến xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ.

+ Lưu vực sông Mê Kông: Từ tháng 11/2024 đến tháng 01/2025, TLM tại khu vực thượng lưu sông Mê Kông phổ biến thấp hơn 10-20% so với TBNN cùng thời kỳ. Tại khu vực trung lưu sông Mê Kông tháng 11/2024 phổ biến cao hơn 5-15% TBNN cùng thời kỳ, tháng 12/2024 phổ biến thấp hơn 5-15% so với TBNN, tháng 01/2025, phổ biến thấp hơn 15-30%. Tại khu vực hạ lưu sông Mê Kông tháng 11-12/2024, phổ biến cao hơn 5-15% so với TBNN, tháng 01/2025 phổ biến xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ.

3.2. Thủy văn và nguồn nước

+ *Khu vực Bắc Bộ:*

Từ tháng 11/2024-01/2025, mực nước các sông biến đổi chậm theo xu thế giảm. Nguồn nước trên các sông và các hồ chứa lớn khu vực Bắc Bộ tiếp tục thiếu hụt so với TBNN, cụ thể: Dòng chảy đến các hồ chứa trên sông Đà thiếu hụt từ 20-30% so với TBNN; các hồ chứa Tuyên Quang (sông Gâm) và Thác Bà (sông Chảy) thiếu hụt từ 5-10% so với TBNN.

+ *Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:*

Từ tháng 11-12/2024, trên các sông Trung Bộ, khu vực nam Tây Nguyên xuất hiện các đợt lũ. Mực nước đỉnh lũ hạ lưu các sông chính từ Quảng Bình đến Bình Định, Khánh Hòa và khu vực nam Tây Nguyên ở mức BĐ2-BĐ3, các sông ở Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận dao động ở mức BĐ2. Nguy cơ xảy ra ngập lụt tại các đô thị, thành phố lớn do ảnh hưởng của mưa lớn cục bộ. Lũ quét, sạt lở đất nguy cơ cao xuất hiện tại các khu vực vùng núi.

Tháng 01/2025, mực nước trên các sông ở Trung Bộ và Tây Nguyên xuống dần.

Lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, từ Quảng Bình đến Bình Định, Khánh Hòa, Phú Yên và khu vực Nam Tây Nguyên ở mức tương đương và cao hơn TBNN từ 10-30%; các sông khác ở khu vực Trung Bộ, Bắc Tây Nguyên thấp hơn TBNN từ 15-45%.

+ *Khu vực Nam Bộ:*

Sông Đồng Nai: Mực nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài có khả năng xuất hiện 1-2 đợt dao động.

Sông Cửu Long: Từ tháng 11/2024-01/2025, tổng lượng dòng chảy từ thượng nguồn sông Mê Công về ĐBSCL ở mức thấp hơn TBNN từ 10-15%.

Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế

xuống dần.

3.3. Hải văn

- Từ tháng 11 đến tháng 01/2025, do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, độ cao sóng ở khu vực Vịnh Bắc Bộ dao động từ 2-4m, vùng biển ngoài khơi Trung Bộ dao động từ 3-5m. Khu vực ven biển Bắc Bộ và Trung Bộ cần tiếp tục đề phòng sóng lớn kết hợp nước dâng do bão và ATNĐ trong tháng 11-12/2024.

- Khu vực ven biển Đông Nam Bộ xuất hiện 06 đợt triều cường: Đợt 01 từ ngày 2-5/11, đợt 02 từ ngày 13/11-19/11/2024, đợt 03 từ ngày 31/11-6/12, đợt 04 từ ngày 14/12-18/12, đợt 05 từ ngày 31/12/2024-3/1/2025, đợt 6 từ ngày 13/01-16/01/2025. Trong đó có đợt triều cường ngày 12/11-19/11/2024 mực nước trạm Vũng Tàu có thể đạt 4,25m, thời điểm này khu vực ven biển Đông Nam Bộ chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, do ảnh hưởng của nước dâng do gió mùa kết hợp với triều cường, các vùng trũng, thấp, ven sông và vùng ngoài đê bao khu vực ven biển phía Đông Nam Bộ có nguy cơ ngập lụt.

Tin phát ngày: 15/7/2024.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15/8/2024./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ TN&MT;
- Bộ NN&PTNT;
- Văn phòng Ban chỉ đạo quốc gia về PCTT;
- Văn phòng UBQG UPSC thiên tai&TKCN;
- Đài Tiếng nói Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam;
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng (Bộ QP);
- Cục BĐKH; Cục Quản lý TNN;
- Viện KTTV&BĐKH; Viện ĐC&KS;
- Ủy ban sông Mê Kông Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng cục KTTV;
- Các đơn vị thuộc Tổng cục KTTV;
- Lãnh đạo Trung tâm, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, ĐBKH. C.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Phúc Lâm

PHỤ LỤC

Bảng 1: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong tháng 5/2024
(Nguồn: Website Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Đông, lốc	Xã Đức Ninh, Thành Long, Bằng Cốc, Thái Hòa, Nhân Mục, Phù Lưu, Hùng Đức - huyện Hàm Yên - tỉnh Tuyên Quang	01/5/2024
Đông, lốc, mưa đá	Xã Tam Quan, Yên Thắng - huyện Trương Dương - tỉnh Nghệ An	01/5/2024
Đông kèm gió mạnh	Thị xã Hương Thủy - huyện Phú Vang - tỉnh Thừa Thiên Huế	02/5/2024
Đông, lốc, mưa đá	Các huyện Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hòa, Bảo Lâm, Bảo Lạc, Nguyên Bình, Hà Quảng, Hòa An và Thành phố Cao Bằng - tỉnh Cao Bằng	04/5/2024
Đông, lốc	các huyện Mèo Vạc, Đồng Văn, Yên Minh và Bắc Mê - tỉnh Hà Giang	04-05/5/2024
Đông, lốc	Xã Phúc Thịnh - huyện Chiêm Hóa - tỉnh Tuyên Quang	04-05/5/2024
Lốc	Xã Mường Toong - huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên	05/5/2024
Đông, lốc, sét, mưa đá	Huyện Bát Xát, Bảo Thắng, Bắc Hà, TP. Lào Cai - tỉnh Lào Cai	05-06/5/2024
Lốc	Xã Lương Hòa - huyện Châu Thành; Phường 8- Tp.Trà Vinh - tỉnh Trà Vinh	06/5/2024
Sét	xã Hà An - huyện Quảng Yên - tỉnh Quảng Ninh	06/5/2024
Đông, lốc, sét, mưa đá	Các huyện: Đại Từ, Đồng Hoá, Phú Lương, Phú Bình, Đồng Hỷ - Tỉnh Thái Nguyên	08/5/2024
Lốc	Xã Chân Sơn, Hùng Lợi, Nhữ Hán - Huyện Yên Sơn - Tỉnh Tuyên Quang	09/5/2024
Đông lốc, sét, mưa đá	Huyện Đại Từ, Đồng Hoá, Phú Lương, Phú Bình, Đồng Hỷ - Tỉnh Thái Nguyên	9/5/2024
Đông lốc	các huyện Chi Lăng, Bắc Sơn, Hữu Lũng - tỉnh Lạng Sơn	9/5/2024
Đông lốc mưa đá	Các huyện Điện Biên Đông, Điện Biên - tỉnh Điện Biên	9/5/2024
Sét	Huyện Yên Thành, Quế Phong - tỉnh Nghệ An	12/5/2024
Lốc	Huyện Định Hoá - tỉnh Thái Nguyên	16/5/2024

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Lốc, sét, mưa đá	Xã Đoàn Kết, Toàn Sơn, Cao Sơn - huyện Đà Bắc; xã Phú Cường, Quyết Chiến, Mỹ Hòa - huyện Tân Lạc - tỉnh Hòa Bình	16/5/2024
Lốc	Xã Yên Sơn, Bảo Hà, Kim Sơn, Việt Tiến, Lương Sơn, Việt Tiến, Cam Cọn, Yên Sơn - huyện Bảo Yên - tỉnh Lào Cai	16/5/2024
Lốc	huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên	16/5/2024
Lốc	Huyện Trấn Yên, Văn Yên - tỉnh Yên Bái	
Đông, lốc, sét, mưa đá	Tp. Thủ Dầu Một, TP. Tân Uyên, huyện Dầu Tiếng, Bắc Tân Uyên - Tỉnh Bình Dương	16/5/2024
Đông, lốc, sét, mưa đá	xã Nghĩa Trung, Phú Sơn, Đường - huyện Bù Đăng - tỉnh Bình Phước	16/5/2024
Lốc	xã Gia Kiệm - huyện Thống Nhất - tỉnh Đồng Nai	16/5/2024
Đông, lốc, sét	huyện Đông Sơn, Triệu Sơn - tỉnh Thanh Hoá	19/5/2024
Lốc	Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh – Khánh Hòa	22/5/2024
Mưa lớn, dông, lốc, sét	thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút (Đắk Nông)	23/5/2024
Mưa lớn, dông, lốc, sét	Huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng	28/5/2024

Bảng 2: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong tháng 6/2024
(Nguồn: Website Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Đông, sét	Huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang	04/6/2024
Đông, sét	Xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	05/6/2024
Đông, lốc	Xã Trung Nghĩa, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	05/6/2024
Đông, sét	Chợ Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội và huyện Thanh Trì, Hà Nội	05/6/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Cao Bằng	06/6/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Yên Bái	06/6/2024

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Sét	Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, huyện Châu Thành (Tiền Giang)	08/6/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Tỉnh Thái Nguyên	09/6/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Tỉnh Bến Tre	09/6/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Tỉnh Bình Thuận	09/6/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Tỉnh Quảng Ninh	09/6/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh và Hải Phòng	10/06/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Tuyên Quang, Thái Nguyên	11/06/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Bắc Kạn	17/06/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Bắc Kạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Bình Dương	18/06/2024
Mưa lớn, dông lốc, sét	Tỉnh Thái Nguyên	19/06/2024
Mưa lớn kèm dông, lốc, sét	Tỉnh Phú Thọ	20/06/2024
Đông, lốc sét	Hà Giang	23/06/2024
Sét	Huyện Kỳ Sơn tỉnh Nghệ An	24/6/2024
Mưa lớn, dông, lốc	Lào Cai, Cao Bằng, Kiên Giang và Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long	25/06/2024
Đông, lốc	Thái Nguyên	28/6/2024

Bảng 3: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong nửa đầu tháng 7/2024

(Nguồn: Website Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Đông, lốc	Bà Rịa – Vũng Tàu; Tiền Giang (Chợ Gạo, Gò Công Tây)	02/07/2024
Đông, sét	Quốc Oai – Hà Nội	02/07/2024
Đông, sét	Thái Nguyên	03/07/2024

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Dông kèm mưa lớn	Hà Giang	04/07/2024
Mưa lớn, dông, lốc	Điện Biên, Hà Giang	10/07/2024
Dông, lốc	Xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	11/07/2024
Lốc	Thị xã Phú Mỹ - huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	14/07/2024

Bảng 4:
Nhiệt độ cao nhất ngày (°C) vượt GTLS trong cùng thời kỳ tháng 5/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 5	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Tuần Giáo (Điện Biên)	39,6	2019	39,8	01/5/2024
Ba Đồn (Quảng Bình)	41,0	2023	41,4	01/5/2024
Đông Hà (Quảng Trị)	42,3	2023	43,2	01/5/2024
Huế (Thừa Thiên Huế)	41,3	1983	42,1	01/5/2024
Nam Đông (Thừa Thiên Huế)	41,5	2023	41,8	01/5/2024
Đà Nẵng	40,5	1983	41,5	01/5/2024
Tam Kỳ (Quảng Nam)	40,2	2010, 2023	41,0	01/5/2024
EaHleo (Đắk Lắk)	37,0	2020	37,5	01/5/2024
Tây Ninh	39,0	1983	39,5	01/5/2024
Cần Thơ	36,7	1983, 2010, 2015, 2020	37,2	01/5/2024
Thủ Dầu Một (Bình Dương)	38,7	2016	38,9	02/5/2024
Mỹ Tho (Tiền Giang)	37,2	2005	38,2	02/5/2024
Vĩnh Long	37,1	2016	38,5	02/5/2024
Bến Tre	37,9	2020	38,2	02/5/2024
Cao Lãnh (Đồng Tháp)	37,0	1980, 1983, 2016, 2019, 2020, 2023	38,5	02/5/2024
Càng Long (Trà Vinh)	37,7	2016	38,3	02/5/2024
Thổ Chu (Kiên Giang)	36,8	2016	37,5	02/5/2024
Châu Đốc (An Giang)	37,5	2005, 2015	38,4	03/5/2024
Quỳnh Lưu (Nghệ An)	40,2	2023	40,3	29/5/2024
Phan Rí (Bình Thuận)	35,8	2019	37,7	29/5/2024

Bảng 5: Nhiệt độ cao nhất ngày ($^{\circ}\text{C}$) vượt GTLS trong cùng thời kỳ tháng 6/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 6	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Tuy Hòa (Phú Yên)	39,6	2010	40,0	03/6/2024
Trường Sa (Khánh Hòa)	35,3	2015	35,4	03/6/2024
Cao Lãnh (Đồng Tháp)	36,0	2021,2022	37,5	03/6/2024
Trị An (Đồng Nai)	36,1	2015	36,7	04/6/2024
Nhà Bè (Tp Hồ Chí Minh)	36,2	2016	37,0	04/6/2024
Mỹ Tho (Tiền Giang)	36,0	1993	36,6	04/6/2024
Vĩnh Long	36,2	2020,2023	36,3	04/6/2024
Bến Tre	36,4	2015	36,6	04/6/2024
Châu Đốc (An Giang)	36,5	2010	36,8	04/6/2024
Phan Thiết (Bình Thuận)	36,7	2019	37,9	13/6/2024
Thủ Dầu Một (Bình Dương)	35,9	2016	36,7	13/6/2024
Vũng Tàu (Bà Rịa Vũng Tàu)	35,5	2016	36,4	13/6/2024
Ba Tri (Bến Tre)	36,2	2010	36,5	13/6/2024
Càng Long (Trà Vinh)	35,9	2020	36,1	13/6/2024
A Lưới (Thừa Thiên Huế)	36,2	2021	36,5	14/6/2024
Đắk Tô (Kon Tum)	34,6	1978	35,2	14/6/2024
Sơn Hoà (Phú Yên)	40,0	1983	40,2	15/6/2024
Ayunpa (Gia Lai)	38,2	2015	38,7	15/6/2024
EaHleo (Đắk Lắk)	33,5	2021	34,8	15/6/2024
Long Khánh (Đồng Nai)	35,6	2015	35,7	15/6/2024

Bảng 6: Nhiệt độ cao nhất ngày ($^{\circ}\text{C}$) vượt GTLS trong cùng thời kỳ nửa đầu tháng 7/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 7	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Ayunpa (Gia Lai)	37,2	2021	37,5	02/7/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 7	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Trị An (Đồng Nai)	35,0	2021, 2023	35,5	02/7/2024

Bảng 7: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất vượt GTLS trong cùng thời kỳ tháng 5/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 5	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Phổ Ràng (Lào Cai)	78,5	2020	114,6	16/5/2024
Phan Rí (Bình Thuận)	46,3	2021	54,0	21/5/2024
M Đrăk (Đắk Lắk)	96,1	2011	147,8	19/5/2024

Bảng 8: Tổng lượng mưa ngày vượt GTLS tháng 6/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 6	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Sầm Sơn (Thanh Hóa)	139,4	2013	186,9	06/6/2024
Móng Cái (Quảng Ninh)	271,6	2008	298,6	09/6/2024
Quảng Hà (Quảng Ninh)	337,0	2003	367,0	09/6/2024
Tiên Yên (Quảng Ninh)	249,9	2001	333,8	09/6/2024
Bãi Cháy (Quảng Ninh)	240,3	2003	307,2	09/6/2024
Bắc Ninh	117,2	2010	170,7	09/6/2024
Phù Lĩn (Hải Phòng)	167,5	1979	228,2	09/6/2024
Chí Linh (Hải Dương)	150,8	1981	165,1	09/6/2024
Thổ Chu (Kiên Giang)	137,4	2010	168,1	17/6/2024
Kim Bôi (Hòa Bình)	180,0	1974	194,9	24/6/2024
Sơn Động (Bắc Giang)	232,2	1980	289,4	25/6/2024

Bảng 9: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất vượt GTLS trong cùng thời kỳ nửa đầu tháng 7/2024.

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 7	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Buôn Hồ (Đắk Lắk)	79,9	2006	81	06/7/2024
Cao Lãnh (Đồng Tháp)	92,2	1988	98	10/7/2024

Bảng 10: Tổng lượng mưa vượt GTLS tháng 6/2024

Trạm	TLM tháng 6 lịch sử (mm)	Năm xuất hiện	TLM tháng 6/2024 (mm)
Lào Cai	323	2022	624
Đồng Văn (Hà Giang)	375	2019	518
Quảng Hà (Quảng Ninh)	983	1991	1105
Bắc Ninh	361	2015	379
Sầm Sơn (Thanh Hóa)	312	2014	358
Thổ Chu (Kiên Giang)	468	2019	750